TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29-6-2020
"V/v Tranh chấp về ly hôn và yêu cầu nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhập
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Thật
Bà Vũ Thị Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Ông Cao Thế Lĩnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 86/2020/TLST-HNGĐ, ngày 11/3/2020 về việc "Tranh chấp về ly hôn và yêu cầu nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/ QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1984 (có mặt);

Địa chỉ: khóm 2, phường 1, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*: Anh Hồ Văn N, sinh năm 1976 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp P, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 11/3/20209 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Vào năm 2012, chị kết hôn cùng với anh Hồ Văn N, hôn nhân tự nguyện, gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang vào ngày 12/12/2012.

Sau khi cưới, thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, khoảng hơn một năm sau thì bắt đầu mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng trong quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cải vả, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên vợ chồng đã tự ly thân với nhau khoảng 06 năm. Từ khi ly thân đến nay, chị và anh N không ai

liên lạc với ai, anh N cũng không về thăm con. Nay, chị nhận thấy vợ chồng không thể hàn gắn với nhau được nữa nên yêu cầu được ly hôn.

Quá trình chung sống, vợ chồng chị có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Tr – sinh ngày 10/8/2013, hiện nay đang sống cùng với chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa: Về hôn nhân, chị Nguyễn Thị N yêu cầu được ly hôn với anh Hồ Văn N; Về con chung, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng; Về tài sản chung, nợ chung, không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Hồ Văn N không có mặt tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật cho anh N nhưng anh N không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của anh.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp về ly hôn và yêu cầu nuôi con chung" là đúng quy định và thuộc thẩm quyền giải quyết. Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các bước tiến hành tố tụng đúng theo quy định, tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng đối với bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Hồ Văn N; Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Tr – sinh ngày 10/8/2013 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Về tài sản chung, nợ chung miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được với nhau nên chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Hồ Văn N được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (Bộ luật BLTTDS 2015).

Anh Hồ Văn N với tư cách là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do lần thứ hai, căn cứ khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Hồ Văn N xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2012, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 117 ngày 12/12/2012, theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân

và gia đình năm 2000 hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Hồ Văn N vì lý do bất đồng trong quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vả, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên vợ chồng đã tự ly thân với nhau khoảng 06 năm. Đối với anh Hồ Văn N, Tòa án đã nhiều lần tống đạt và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có 02 lần tống đạt Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để tiến hành mở phiên họp vào ngày 19/5/2020 và ngày 02/6/2020 nhằm tạo điều kiện cho vợ chồng anh chị hòa giải, đoàn tụ với nhau nhưng anh N đều không có mặt nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa, chị N khai rõ trong suốt thời gian ly thân, vợ chồng chị không gặp mặt nhau và không còn liên lạc với nhau nữa, bản thân chị thì không còn tình cảm dành cho chồng và chị N cũng tỏ rõ thái độ cương quyết ly hôn với anh N. HĐXX thấy rằng, trước khi cưới nhau anh chị đã có thời gian tìm hiểu nhau nhưng khi về sống chung mới bộc lộ cá tính của mỗi người nên khi xảy ra mâu thuẫn không giải quyết được dẫn đến tranh chấp kéo dài làm cho tình trạng hôn nhân trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị N xác định vợ chồng chị có một người con chung tên Nguyễn Ngọc Tr – sinh ngày 10/8/2013, hiện nay, chị Tr đang sống cùng với chị N nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng. Đối với anh N, từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử anh N đều không có mặt, cũng không có ý kiến và yêu cầu gì đối với yêu cầu được nuôi con chung của chị N nên Hội đồng xét xử không thể xem xét nguyện vọng của anh N.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị N, HĐXX thấy rằng, từ khi ly thân đến nay do một mình chị N chăm sóc, nuôi dưỡng và chị Tr cũng được phát triển bình thường như những đứa trẻ khác. Vì vậy, cần giao con chung cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị N xác định anh chị không có tài sản chung cũng không thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Án phí ly hôn là 300.000đ chị N phải nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Hồ Văn N.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Tr – sinh ngày 10/8/2013 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền tới lui thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh thực hiện quyền này.

Khi cần thiết anh chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008830, ngày 11/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị N đã nộp xong án phí.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/6/2020).

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện Gò Quao;*
- *Chi cục THADS huyện Gò Quao;*
- *UBND xã V;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Kim Nhập